

Bản án số: 60/2025/DS-PT

Ngày 14 – 02 – 2025

V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp  
đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất  
vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Lập

**Các Thẩm phán:** Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà

Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 12 năm 2024 và ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 280/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Hồng P, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Đường Q, khóm B, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950;

Địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S:** Ông Ngô Quốc T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Tuấn E, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số E, đường T, Khóm E, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

2. Ông Phan Tuấn A, sinh năm 1973 (Vắng mặt);  
Địa chỉ cư trú: Tổ G, khu phố A, đường C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;
  3. Bà Phan Diệu H, sinh năm 1969 (Vắng mặt);  
Địa chỉ cư trú: Số B, Nguyễn Công T1, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
  4. Ông Phan Hoàng Q, sinh năm 1966 (Vắng mặt);  
Địa chỉ cư trú: Số A, Đường Q, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
  5. Ông Phan Chí D, sinh năm 1962 (Vắng mặt);  
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau;
  6. Bà Phan Hồng N, sinh năm 1960 (Vắng mặt);  
Địa chỉ cư trú: Đường Q, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
  7. Bà Phan Hồng N1, sinh năm 1955 (Vắng mặt)  
Địa chỉ cư trú: Số A, H, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
  8. Ông Phan Văn T2, sinh năm 1953 (Vắng mặt);
  9. Bà Phan Hồng L, sinh năm 1974 (Vắng mặt);
  10. Ông Phan Văn S1 (Vắng mặt);
  11. Ông Phan Thanh P1 (Vắng mặt);
  12. Ông Phan Văn N2 (Vắng mặt);
  13. Bà Phan Mộng T3 (Vắng mặt);
  14. Bà Phan Mộng N3 (Vắng mặt);
  15. Bà Võ Thị T4, sinh năm 1952 (Vắng mặt);
  16. Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1986 (Vắng mặt);
  17. Chị Nguyễn Thị Anh T5, sinh năm 1988 (Vắng mặt);  
Cùng địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- *Người kháng cáo*: Bà Phan Hồng P, là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo bà Phan Hồng P trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà P là ông Phan Văn C (đã chết năm 1991) và bà Bùi Tuyết A1 (đã chết năm 2008), diện tích đất ruộng 11.550m<sup>2</sup> và cái ao, đất tọa lạc tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Sau đó cha mẹ bà P lấp ao lại có diện tích 883m<sup>2</sup>, phần đất này cha mẹ bà P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại không tranh chấp.

Sau đó bà Bùi Tuyết A1 ra Cà Mau sinh sống, tạm giao phần đất lại cho ông Phan Văn T2 (là con bà Tuyết A1) trông coi và quản lý sử dụng, chỉ giao bằng lời nói. Đến năm 1996, ông T2 tự ý đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất phần đất diện tích 11.550m<sup>2</sup>, gia đình bà P không ai hay biết. Đến năm 2001, ông T2 chuyển nhượng phần đất lại cho ông Nguyễn Văn S, gia đình bà P cũng không hay

biết. Đến năm 2008 bà Bùi Tuyết A1 chết, không để lại di chúc. Hiện tại ông S đứng tên toàn bộ phần đất tranh chấp có diện tích 11.550m<sup>2</sup>.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T2 với ông Nguyễn Văn S ngày 19/7/2001 là vô hiệu; Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 11.550m<sup>2</sup> nêu trên cho hàng thừa kế thứ nhất của ông C và bà Bùi Tuyết A1 mỗi người diện tích 1.443m<sup>2</sup>. Bà P yêu cầu phần đất được chia vị trí phía Đông giáp với phần của các đồng thừa kế còn lại, phía Tây giáp với phần đất ông Nguyễn Văn S2, phía Nam giáp với lộ, phía Bắc giáp với đất ông L1.

- Theo ông Ngô Quốc T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Nguyễn Văn S nhận chuyển nhượng lại của ông Phan Văn T2 vào năm 2001, giá chuyển nhượng bằng 15 lượng vàng 24K. Ông S đã thanh toán xong số vàng chuyển nhượng cho ông T2, đã nhận đất quản lý sử dụng từ khi chuyển nhượng đến nay và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2001. Do đó, ông S không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà P.

- Theo ông Phan Văn T2 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông là ông Phan Văn C và bà Bùi Tuyết A1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông Bùi Văn H1 là người đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho ông đứng tên, diện tích đất được cấp 11.550m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất tranh chấp ông quản lý sử dụng khoảng 2 - 3 năm thì ông cầm cố lại cho ông Nguyễn Văn S (không nhớ thời gian), nhưng có làm giấy tờ cố đất không thời hạn, giấy tay cố đất ông S giữ, giá cố đất 15 lượng vàng 24k. Phía ông S đã giao đủ 15 lượng vàng 24k cho ông. Nay ông yêu cầu ông S cho ông chuộc lại phần đất với giá bằng 15 lượng vàng 24k.

- Theo bà Phan Hồng N1, bà Phan Hồng N, ông Phan Chí D, bà Phan Diệu H, ông Phan Văn Q1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ các ông, bà ông Phan Văn C, bà Bùi Tuyết A1 chết để lại không có di chúc, vì sao phần đất này ông Phan Văn T2 đứng tên quyền sử dụng đất và việc thỏa thuận giữa ông T2 với ông S như thế nào thì các ông, bà không biết. Các ông, bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

- Theo Anh Phan Tuấn E trình bày:

Anh chỉ biết nguồn gốc đất là của ông, bà ngoại (cụ Phan Văn C và cụ Bùi Tuyết A1), còn quá trình quản lý sử dụng giữa các bên như thế nào thì anh không biết. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Theo anh Nguyễn Văn Ú và chị Nguyễn Thị Anh T5 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là do cha mẹ của anh, chị nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn T2 vào năm 2001. Do đó, anh chị không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hồng P đối với ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/7/2001 giữa ông Phan Văn T2 với ông Nguyễn Văn S vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa số 152, 153 tờ bản đồ số 01 diện tích 11.550m<sup>2</sup> đất tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/7/2024, bà Phan Hồng P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/7/2001 giữa ông Phan Văn T2 với ông Nguyễn Văn S vô hiệu; Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa số 152, 153 tờ bản đồ số 01 diện tích 11.550m<sup>2</sup> đất tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; Đối với phần nhà mồ của gia đình bà, phía bị đơn cho gia đình bà và bà chăm sóc, không ngăn cản; tuy nhiên, do nhà mồ cách lộ 80m, bà không có lối đi vào khu mộ, đề nghị xem xét buộc bị đơn để cho bà lối đi vào khu mộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Hồng P rút lại phần kháng cáo yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế; chỉ yêu cầu phía bị đơn để lại cho bà P phần diện tích khu mộ và lối đi vào khu mộ ngang 17m, chiều dài từ lộ bê tông trở vào 45m.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà P phát biểu: Yêu cầu ông S để lại cho bà phần diện tích khu mộ và lối đi vào khu mộ chiều ngang 17m, chiều dài từ lộ bê tông trở vào là 45m.

Ông T phát biểu: Không đồng ý theo yêu cầu của bà P; ông chỉ đồng ý giao cho bà P phần diện tích khu mộ và lối đi vào khu mộ chiều ngang 1,5m, chiều dài từ lộ bê tông vào khu mộ, bà P không phải trả lại giá trị đất. Nếu bà P yêu cầu giao diện tích lớn hơn thì bà P phải trả lại giá trị đất theo giá thị trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Hồng P, sửa bản án sơ thẩm, giao cho bà P diện tích khu mộ và lối đi vào khu mộ theo sự tự nguyện của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Phan Hồng P khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T2 với ông Nguyễn Văn S ngày 19/7/2001 đối phần đất tranh chấp tại đất tại thửa số 152, 153, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.550m<sup>2</sup>, đất tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau vô hiệu. Yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất nêu trên cho bà P được nhận diện tích 1.443m<sup>2</sup>. Ông S không đồng ý theo yêu cầu của bà P. Bản án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/7/2001 giữa ông T2 với ông S vô hiệu; yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa số 152, 153, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.550m<sup>2</sup> đất tại

khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; đối với phần nhà mồ của gia đình bà, phía bị đơn cho gia đình bà và bà chăm sóc, không ngăn cản, tuy nhiên do nhà mồ cách lộ 80m, bà không có lối đi vào khu mộ, đề nghị xem xét buộc bị đơn để cho bà lối đi vào khu mộ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P rút lại phần kháng cáo yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế; Chỉ yêu cầu phía bị đơn để lại cho bà P phần khu mộ và lối đi vào khu mộ ngang 17m, chiều dài từ lộ bê tông trở vào 45m. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bà P rút yêu cầu kháng cáo, chỉ xem xét đối với yêu cầu kháng cáo của bà P đối với phần yêu cầu phía bị đơn để lại cho bà P phần khu mộ và lối đi vào khu mộ ngang 17m, chiều dài từ lộ bê tông trở vào 45m.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Hồng P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập có tại hồ sơ thể hiện: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha, mẹ bà P và ông T2 là ông Phan Văn C (đã chết năm 1991) và bà Bùi Tuyết A1 (đã chết năm 2008) tặng cho ông T2; ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/1996, diện tích 11.550m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 152, 153, tờ bản đồ số 01, đất tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 19/7/2001, ông T2 và vợ là bà Mai Thị T6 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn S với giá 15 lượng vàng 24k, ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2001 và quản lý, sử dụng từ khi chuyển nhượng năm 2001 đến nay.

[2.2] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Bản Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp thể hiện trên phần đất có khu mộ gồm 04 ngôi mộ (Ông Phan Thanh Đ, ông Phan Văn C, bà Mai Thị T6 và bà Phan Hồng Q2) là người thân của bà P và cũng có mối quan hệ thân tộc với ông S. Theo ông T xác định khi chuyển nhượng đất các bên có thỏa thuận bằng lời nói để lại phần đất trong khuôn viên các ngôi mộ cho gia đình nguyên đơn, phía ông S không yêu cầu gì và đồng ý để cho nguyên đơn và người thân của bốn ngôi mộ có trên phần đất vào chăm sóc, không ngăn cản. Theo bản Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp thể hiện trên phần đất tranh chấp có khu mộ người thân của bà P, diện tích 124m<sup>2</sup> (kích thước: Chiều ngang 17m; chiều dài 7,3m).

[2.3] Tại biên bản làm việc với ông Ngô Quốc T (là người đại diện của ông S) ngày 07/01/2025 và tại phiên tòa, ông T trình bày không đồng ý giao cho bà P phần đất ngang 17m, dài 45m theo yêu cầu của bà P; ông chỉ thống nhất giao lại cho bà P phần diện tích khu mộ (ngang 17m, dài 7,3m, diện tích 124m<sup>2</sup>) và lối đi vào khu mộ (ngang 1,5m, chiều dài từ lộ bê tông vào khu mộ theo đo đạc 34,12m, diện tích 51,18m<sup>2</sup>), không yêu cầu bà P trả lại giá trị đất; Nếu bà P yêu cầu giao lối đi lớn hơn chiều ngang 1,5m thì phía bà P phải trả lại giá trị đất theo giá thị trường, phần diện tích khu mộ không yêu cầu trả giá trị đất. Bà P không đồng ý trả giá trị đất cho ông S.

[2.4] Xét thấy: Phần đất ông S đang quản lý sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông T2, việc chuyển nhượng là hợp pháp và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông S. Đối với yêu cầu của bà P yêu cầu ông S

giao cho bà phần đất ngang 17m, dài 45m nhưng không đồng ý trả giá trị đất cho ông S là không phù hợp và cũng không được phía ông S chấp nhận; do đó, yêu cầu của bà P không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, phía ông S thống nhất giao lại cho bà P phần diện tích khu mộ (ngang 17m, dài 7,3m, diện tích 124m<sup>2</sup>) và lối đi vào khu mộ (ngang 1,5m, chiều dài từ lộ bê tông vào khu mộ theo đo đạc 34,12m, diện tích 51,18m<sup>2</sup>), không yêu cầu bà P trả lại giá trị đất, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông S nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Hồng P, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc số tiền 11.165.000 đồng bà P phải chịu, bà P đã nộp xong.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà P không phải chịu, bà P được miễn dự nộp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phan Hồng P yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/7/2001 giữa ông Phan Văn T2 với ông Nguyễn Văn S vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa số 152, 153 tờ bản đồ số 01 diện tích 11.550m<sup>2</sup> đất tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Hồng P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hồng P về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/7/2001 giữa ông Phan Văn T2 với ông Nguyễn Văn S vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa số 152, 153 tờ bản đồ số 01 diện tích 11.550m<sup>2</sup> đất tại khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn S giao cho bà Phan Hồng P phần đất khu mộ diện tích 124m<sup>2</sup> (kích thước: chiều ngang 17m; chiều dài 7,3m) và phần đất làm lối đi vào khu mộ kích thước ngang 1,5m, chiều dài từ lộ bê tông vào đến khu mộ 34,12m, diện tích bằng 51,18m<sup>2</sup>. Bà P không phải trả giá trị đất cho ông S.

(Có Bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 02/01/2025 của Chi nhánh Công ty TNHH T7 – Đo đạc Bản đồ Tấn C1 tại Cà Mau kèm theo)

- Về chi phí tố tụng: Bà Phan Hồng P phải chịu chi phí đo đạc là 11.165.000 đồng, bà P đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Hồng P được miễn chịu án phí. Ngày 30/3/2023, bà P đã dự nộp 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0006455 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Hồng P không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**